TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1529/2025/DS-ST
Ngày: 23/9/2025
V/v: "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Việt Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Anh;

2. Ông Lê Văn Khanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Lê Thị Kim Cương, là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 818/2025/QĐXXST-DS ngày 20/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 670/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà NTKT, sinh năm 19xx; Địa chỉ: số aa đường HD, phường KH (Phường aa, Quận aa cũ), Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: ông PVK, sinh năm 19xx (có mặt); Địa chỉ: số bb Đường số bb, phường HP (phường HBP, thành phố TĐ cũ), Thành phố H.

2. Bị đơn: bà PTNQ, sinh năm 19xx (vắng mặt); Địa chỉ: số cc đường BT, phường BT (phường BHHB, quận BT cũ), Thành phố H.

3. Người làm chứng: bà LTH, sinh năm 19xx (đơn giải quyết vắng mặt); Địa chỉ: số aa đường HD, phường KH (Phường aa, Quận aa cũ), Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và bản tự khai của các bên đương sự tại Tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

1. Nguyên đơn là bà NTKT có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà NTKT và bà PTNQ có quen biết nhau do làm ăn chung. Ngày 02/11/2022, bà T có cho bà Q vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, tính từ ngày 02/11/2022 đến hạn trả là ngày 02/05/2023 với lãi suất là 4%/tháng. Hợp đồng vay tiền được hai bên ký tại Văn phòng công chứng NHH, huyện BC, Thành phố H và bà T đã giao đủ số tiền trên cho bà PTNQ vào ngày 02/11/2022 tại Phòng công chứng, giao tiền mặt (mệnh giá mỗi tờ tiền là 500.000 đồng), không có lập biên bản giao nhận. Bà Q có giao cho bà T giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 447491 số vào sổ cấp GCN:CS22309 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 15/6/2018 để làm tin cho khoản vay 500.000.000 đồng nêu trên; hai bên không ký hợp đồng thế chấp hay đăng ký giao dịch bảo đảm gì đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 447491 nêu trên.

Đến ngày 09/11/2022, bà NTKT có cho bà PTNQ vay tiếp số tiền 600.000.000 đồng bằng giấy viết tay có người làm chứng, thời hạn vay là 03 tháng, ngày đến hạn trả là ngày 09/02/2023 với lãi suất thỏa thuận miệng là 03%/tháng. Bà T đã giao đủ cho bà Q số tiền 600.000.000 đồng bằng tiền mặt (mệnh giá mỗi tờ tiền là 500.000 đồng), không có lập biên bản giao nhận tiền. Bà Q đã đưa cho bà T giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 635091 số vào sổ cấp GCN:CS22302 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 19/10/2020 để làm tin cho khoản vay 600.000.000 đồng trên; hai bên không ký hợp đồng thế chấp hay đăng ký giao dịch bảo đảm gì đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 635091 nêu trên. Việc giao nhận số tiền 600.000.000 đồng trên có hai người làm chứng là bà LTH (Địa chỉ: dd TTT, Phường dd, Quận dd, Thành phố H. Điện thoại: 07xx) và ông TTK (địa chỉ: ee BT, phường BT (phường BHHB, quận BT cũ), Thành phố H) chứng kiến ngay tại nhà của bà Q.

Như vậy, tổng số tiền của bà PTNQ vay của bà T là 1.100.000.000 đồng, cho đến nay cả Hợp đồng vay tiền ngày 02/11/2022 và Giấy nhận tiền có thế chấp tài sản ngày 09/11/2022 đều đã quá hạn thanh toán rất lâu rồi nhưng bà Q chưa thanh toán tiền nợ cho bà T.

Ngày 27/5/2023, bà Q chuyển khoản trả cho bà T số tiền 25.000.000 đồng là tiền gốc của khoản vay 500.000.000 đồng tại Hợp đồng vay tiền ngày 02/11/2022. Qua rất nhiều lần điện thoại và đến gặp trực tiếp bà Q nhưng cũng không có kết quả, bà Q luôn tìm mọi cách để khất nợ và có ý trốn tránh nhằm mục đích không trả số tiền gốc và lãi cho bà T.

Tại Tòa, bà NTKT yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà PTNQ phải trả lại cho bà NTKT số tiền vay gốc là 475.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền

ngày 02/11/2022 và số tiền 600.000.000 đồng theo Giấy nhận tiền có thế chấp tài sản ngày 09/11/2022.

Bà T xác định số tiền bà T cho bà Q vay là tài sản cá nhân của bà T. Bà T chỉ yêu cầu cá nhân bà Q trả số tiền trên cho bà T mà không yêu cầu ai khác liên đới trả nợ. Bà T không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm ai khác tham gia tố tụng.

Về địa chỉ của bà Q: khi ký Hợp đồng vay tiền ngày 02/11/2022 thì bà Q chỉ cung cấp cho bà T địa chỉ tại số ee BT, phường BT (phường BHHB, quận BT cũ), Thành phố H nên bà T cung cấp địa chỉ này cho Toà án. Tính đến nay, bà Q không cung cấp cho bà T địa chỉ nào khác.

Bà T có cung cấp thêm cho Toà án địa chỉ của bà Q là số ff đường BT, phường BT (phường BHHB, quận BT cũ), Thành phố H và gg Ấp gg, xã VL (xã VLA, huyện BC), Thành phố H là do bà T thấy các thông tin này tại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Q đưa cho bà T chứ bà Q cũng không cung cấp những địa chỉ trên của bà Q cho bà T biết.

2. Bị đơn bà PTNQ: vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến, không có yêu cầu phản tố.

3. Người làm chứng bà LTH trình bày:

Ngày 02/11/2022 bà T có nhờ bà LTH ra Phòng công chứng làm chứng về việc bà T cho bà Q vay số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), thời hạn vay là 06 tháng, tính từ ngày 02/11/2022 đến hạn trả là ngày 02/05/2023 với lãi suất là 4%/tháng; bà T đã giao đủ số tiền trên cho bà PTNQ vào ngày 02/11/2022 (loại tiền mệnh giá bà T đưa cho bà Q là loại 500.000 đồng). Để bảo đảm tiền vay bà Q có đưa 01 bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL 447491, địa chỉ nhà đất tại số: cc BT, khu phố cc, phường BHHB, Quận BT, Thành phố H cho bà T giữ. Bà H là người ghi âm và quay video vào máy điện thoại, nhưng do lâu ngày và máy điện thoại bị hư nên bà H không có cung cấp cho Tòa được.

Đến ngày 09/11/2022 bà T có nhờ bà H ra làm chứng việc bà T cho bà PTNQ vay tiếp với số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) hai bên ký với nhau bằng giấy viết tay, ngoài bà H ra còn có thêm 01 người làm chứng nữa là ông TTK (địa chỉ: ee BT, khu phố ee, phường BHHB, quận BT, Thành phố H), thời hạn vay là 03 tháng, ngày đến hạn trả là ngày 09/02/2023 với lãi suất thỏa thuận miệng là 03%/tháng và bà Q đã đưa cho bà T giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 635091, địa chỉ nhà đất tại số: ff đường BT, phường BHHB, quận BT, Thành phố H. Việc giao nhận tiền tại địa chỉ nhà của bà Q (số ff đường BT, phường BT (phường BHHB, quận BT cũ), Thành phố H), loại tiền mệnh giá bà T đưa cho bà Q là loại 500.000 đồng.

Bà H là người làm chứng của hai đợt vay tiền giữa bà T và bà Q với tổng số tiền vay của hai lần vay là 1.100.000.000 đồng. Bà H cam kết có chứng kiến việc bà NTKT cho bà PTNQ vay tiền như nội dung bà H đã trình bày ở

trên. Bà H cam đoan nội dung tự khai nêu trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung tự khai nêu trên.

3. Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đại diện theo ủy quyền trình bày: yêu cầu Tòa án buộc bà PTNQ phải trả lại cho bà NTKT số tiền vay gốc là 475.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 02/11/2022 và số tiền 600.000.000 đồng theo Giấy nhận tiền có thế chấp tài sản ngày 09/11/2022; không yêu cầu tiền lãi của hai hợp đồng vay tiền trên. Bà T không có yêu cầu gì đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 447491 (số vào sổ cấp GCN:CS22309 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 15/6/2018) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 635091 (số vào sổ cấp GCN:CS22302 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 19/10/2020).

- Bị đơn bà PTNQ đã được Toà án tống đạt hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Người làm chứng bà LTH có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự; tuy nhiên thời hạn giải quyết chưa đảm bảo theo quy định. Về nội dung của vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Tranh chấp giữa bà NTKT và bà PTNQ là tranh chấp dân sự phát sinh từ Hợp đồng vay tiền ngày 02/11/2022 và Giấy nhận tiền có thế chấp tài sản ngày 09/11/2022.

Theo Hợp đồng vay tiền ngày 02/11/2022 và Giấy nhận tiền có thế chấp tài sản ngày 09/11/2022 thì bà PTNQ cung cấp địa chỉ tại số cc đường BT, phường BT (phường BHHB, quận BT cũ), Thành phố H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về cư trú đối với bị đơn thì bà PTNQ, sinh ngày 1981 có hộ khẩu thường trú, nhưng không thực tế cư trú tại số cc đường BT, phường BT (phường BHHB, quận BT cũ), Thành phố H từ năm 2022 đến nay; không thực tế cư trú, không có đăng ký tạm trú hay thường trú tại địa chỉ ff đường BT,

phường BT, Thành phố H; không đăng ký thường trú và không thực tế cư trú tại gg Ấp gg, xã VL, Thành phố H và chuyển đến tại địa chỉ số cc đường BT, khu phố cc, phường BT, Thành phố H. Như vậy người khởi kiện được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện; người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Do đó, Toà án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà PTNQ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; người làm chứng có đơn giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn, người làm chứng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà PTNQ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bà Q vẫn vắng mặt không có lý do, nên không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, thì:*"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời khai của bà T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Ngày 02/11/2022, nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, tính từ ngày 02/11/2022 đến hạn trả là ngày 02/05/2023 với lãi suất là 4%/tháng, hợp đồng vay tiền được hai bên ký tại Văn phòng công chứng NHH và bà T đã giao đủ số tiền trên cho bà PTNQ vào ngày 02/11/2022 tại Phòng công chứng, giao tiền mặt. Đến ngày 09/11/2022, bà T có cho bà PTNQ vay tiếp với số tiền là 600.000.000 đồng bằng giấy viết tay có người làm chứng, thời hạn vay là 03 tháng, ngày đến hạn trả là ngày 09/02/2023 với lãi suất thỏa thuận miệng là 03%/tháng và bà T đã giao đủ cho bà Q số tiền 600.000.000 đồng bằng tiền mặt. Ngày 27/5/2023, bà Q chuyển khoản trả cho bà T được số tiền 25.000.000 đồng là tiền gốc của khoản vay 500.000.000 đồng tại Hợp đồng vay tiền ngày 02/11/2022. Như vậy, hiện tổng số tiền mà bà Q còn nợ bà T là 1.075.000.000 đồng.

- Xét thấy, các thoả thuận tại Hợp đồng vay tiền ngày 02/11/2022 và Giấy nhận tiền có thế chấp tài sản ngày 09/11/2022 là đúng và phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như lời khai của người làm chứng có trong hồ sơ. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị đơn có vay tiền của nguyên đơn, hiện đã hết thời hạn trả nợ vay

theo thỏa thuận nhưng bị đơn vẫn không trả số tiền đã vay của nguyên đơn. Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay là trả đủ số tiền và đúng hạn. Tuy nhiên, đã quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận mà bị đơn không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, gây thiệt hại cho phía nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà PTNQ trả cho bà NTKT số tiền nợ gốc là 475.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 02/11/2022 và số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng theo Giấy nhận tiền có thế chấp tài sản ngày 09/11/2022. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi trong vụ án này.

Xét việc bà Q đã đưa cho bà T giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 447491 số vào sổ cấp GCN:CS22309 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 15/6/2018 để làm tin cho khoản vay 500.000.000 đồng; và bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 635091 số vào sổ cấp GCN:CS22302 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 19/10/2020 để làm tin cho khoản vay 600.000.000 đồng. Việc đưa giấy chứng nhận này hai bên không có ký hợp đồng thế chấp hay đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định và các bên cũng không có đơn hoặc yêu cầu Tòa án xem xét liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp hoặc có đơn yêu cầu thì được giải quyết bằng vụ án khác theo thẩm quyền.

[3] Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày, tranh luận của các đương sự tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Về án phí:*

- Bà PTNQ phải chịu 44.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm cho phần yêu cầu của bà NTKT được chấp nhận;

- Hoàn lại cho bà NTKT số tiền tạm ứng án phí 22.125.000 đồng mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0077152 ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;

- Luật thi hành án dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NTKT đối với bà PTNQ:

Buộc bà PTNQ trả cho bà NTKT tổng số tiền là 1.075.000.000 đồng (một tỷ, không trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Trong đó 475.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 02/11/2022 và 600.000.000 đồng theo Giấy nhận tiền có thế chấp tài sản ngày 09/11/2022. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/9/2025) cho đến khi thi hành án xong, bà PTNQ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí: bà PTNQ phải nộp 44.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn lại cho bà NTKT số tiền tạm ứng án phí 22.125.000 đồng mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0077152 ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án sơ thẩm được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND KV9-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hải